TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 259/2025/DS-PT
Ngày: 05 - 5 - 2025
V/v tranh chấp tài sản chung, tranh chấp về thừa kế tài sản, yêu cầu tuyên bố di chúc vô hiệu, yêu cầu tuyên bố di chúc có hiệu lực

FDVN LAW FIRM
Tài liệu nghiệp vụ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thanh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tài

Ông Nguyễn Trung Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Phước - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25 tháng 4 và 05 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 65/2025/TLPT- DS ngày 22 tháng 01 năm 2025 về việc "Tranh chấp tài sản chung, tranh chấp về thừa kế tài sản, yêu cầu tuyên bố di chúc vô hiệu và yêu cầu tuyên bố di chúc có hiệu lực".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 209/2024/DS-ST ngày 18 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 126/2024/QĐ-PT ngày 20 tháng 02 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 193/2025/QĐ-PT ngày 12 tháng 3 năm 2025 và Thông báo về việc hoãn phiên tòa phúc thẩm số 34/2025/TB-TA ngày 02 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Phạm Quốc C (tên gọi khác: T), sinh năm 1980; địa chỉ: số A đường N, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở hiện nay: số E đường H, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nông Minh Đ và bà Huỳnh Vũ Hà T1 - Luật sư của Công ty L3 thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H. Ông Nông Minh Đ vắng mặt, bà Huỳnh Vũ Hà T1 có mặt.

- *Bị đơn*: Ông Võ Văn T2, sinh năm 1966; địa chỉ: ấp C, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương, có mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Lê Văn L, sinh năm 1994; địa chỉ thường trú: Đ, ấp B, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi; nơi tạm trú: số I, đường H, khu phố D, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ngày 20/01/2024), có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Võ Hữu D, sinh năm 1963; địa chỉ: Thôn C, xã L, huyện L, tỉnh Gia Lai, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bà Võ Thị G, sinh năm 1958; địa chỉ: số A, Tổ D, ấp C, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương, có mặt.

3. Bà Võ Thị Cẩm H, sinh năm 1968; địa chỉ: số H, Khu phố B, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở hiện nay: Tổ H, Đường D, Tỉnh lộ 15, Ấp C, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

4. Bà Huỳnh Thị Khương T3, sinh năm 1969; địa chỉ: ấp C, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương, có mặt.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Văn L, sinh năm 1994; địa chỉ thường trú: Đ, ấp B, xã T, huyện S, tỉnh Quãng Ngãi; nơi tạm trú: số I, đường H, khu phố D, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 20/01/2024), có mặt.

5. Bà Nguyễn Thị T4, sinh năm 1941; địa chỉ thường trú: Tổ G, Khu phố E, phường M, thành phố B, tỉnh Bình Dương; chỗ ở hiện nay: số nhà F, Đường số A, Khu phố B, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

6. Bà Nguyễn Thị Thu H1, sinh năm 1978; địa chỉ: Tổ G, Khu phố E, phường M, thành phố B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

7. Ông Võ Văn L1, sinh năm 1956 (chết năm 1991);

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (ông Võ Văn L1) gồm:

7.1. Bà Trần Thị S, sinh năm 1961 (vợ), địa chỉ: số A, đường L, Phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

7.2. Bà Võ Thị Thanh T5, sinh năm 1981 (con), địa chỉ: số A, đường L, Phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, có đơn xin xét xử vắng mặt.

7.3. Bà Võ Thị Mỹ H2, sinh năm 1982 (con), địa chỉ: số A, đường L, Phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, có đơn xin xét xử vắng mặt.

7.4. Bà Võ Thị Thanh L2, sinh năm 1986 (con), địa chỉ: số A, đường L, Phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, có đơn xin xét xử vắng mặt.

7.5. Ông Võ Thanh X, sinh năm 1984 (con), địa chỉ: số A, đường N H, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, có đơn xin xét xử vắng mặt.

8. Bà Võ Thị Tuyết V, sinh năm 1960 (chết năm 1990);

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (bà Võ Thị Tuyết V) là: ông Phạm Quốc C (tên gọi khác: T), sinh năm 1980; địa chỉ: số A đường N, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở hiện nay: số E đường H, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (ông Phạm Quốc C đồng thời là nguyên đơn trong vụ án), có mặt.

9. Ông Võ Văn B, sinh năm 1935 (chết năm 2018);

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (ông Võ Văn B) gồm:

9.1. Ông Võ Văn T2, sinh năm 1966; địa chỉ: ấp C, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương, có mặt.

9.2. Ông Võ Hữu D, sinh năm 1963; địa chỉ: thôn C, xã L, huyện L, tỉnh Gia Lai, có đơn xin xét xử vắng mặt.

9.3. Bà Võ Thị G, sinh năm 1958; địa chỉ: số A, tổ D, ấp C, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương, có mặt.

9.4. Bà Võ Thị Cẩm H, sinh năm 1968; địa chỉ: số H, khu phố B, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở hiện nay: tổ H, đường D, Tỉnh lộ 15, ấp C, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Nguyễn Văn C1, sinh năm 1976; địa chỉ: ấp L, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Cộng H3, sinh năm 1957; địa chỉ: ấp C, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

3. Bà Tống Kim T6, sinh năm 1947; địa chỉ: ấp C, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

4. Bà Lê Thị Minh H4, sinh năm 1958; địa chỉ: ấp C, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

5. Ông Nguyễn Thanh P, sinh năm 1971; địa chỉ: ấp L, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Phạm Quốc C.

- *Viện Kiểm sát kháng nghị:* Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 07/QĐ-VKS-DS ngày 01/11/2024 của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 12/4/2019, được bổ sung ngày 27/12/2021, quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là ông Phạm Quốc C trình bày:

Bà Huỳnh Thị K, sinh năm 1936, chết năm 2011 là bà ngoại của nguyên đơn ông Phạm Quốc C. Năm 1990, mẹ của nguyên đơn là bà Võ Thị Tuyết V bị bệnh qua đời khi nguyên đơn mới 10 tuổi, còn cha nguyên đơn đã bỏ nhà đi không rõ đi đâu nên bà K đem nguyên đơn về chăm sóc, nuôi dưỡng thay bà V đã chết. Năm 1997, nguyên đơn về Thành phố Hồ Chí Minh đi làm kiếm tiền nhưng thường xuyên về xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương để chăm sóc cho bà K. Năm 2003, bà K tự đến Ủy ban nhân dân xã L, huyện D nhờ cán bộ xã lập bản di chúc để lại cho nguyên đơn phần đất có diện tích 1.052m^2 (trong đó: có 300m^2 đất thổ cư, 752m^2 đất vườn) thuộc thửa đất số 207, tờ bản đồ số 39, tọa lạc tại ấp C (nay là ấp C), xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương được Ủy ban nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương cấp cho hộ (ông, bà) Huỳnh Thị K vào ngày 17/4/2003, trên đất có 01 căn nhà cấp 4 do bà K xây dựng. Bản di chúc của bà K đã được Ủy ban nhân dân xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương chứng thực vào ngày 19/5/2003. Riêng ông Võ Văn B là ông ngoại của nguyên đơn đã bỏ nhà ra đi sống với người phụ nữ khác trước khi bà K mua đất của bà T6, còn ông B đi thời gian nào, sống với ai, có con riêng với ai hay không thì nguyên đơn không biết. Sau khi bà K mất năm 2011, nguyên đơn không có điều kiện đăng ký chuyển tên quyền sở hữu đối với phần đất và tài sản gắn liền trên đất mà bà K đã lập di chúc để lại cho nguyên đơn. Tuy nhiên, hiện nay nguyên đơn có nhu cầu đăng ký sang tên đối với phần đất và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất mà bà K đã lập di chúc cho nguyên đơn thì bị đơn ông Võ Văn T2 (ông T2 là con ruột bà K) ngăn cản nên nguyên đơn không tiến hành sang tên từ bà Huỳnh Thị K sang tên nguyên đơn theo quy định của pháp luật được. Do đó, nguyên đơn Phạm Quốc C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Yêu cầu công nhận di chúc do bà Huỳnh Thị K lập ngày 19/5/2003 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương là hợp pháp và phát sinh hiệu lực pháp luật.

2. Công nhận cho nguyên đơn Phạm Quốc C được quyền quản lý, sử dụng toàn bộ thửa đất số 207, tồ bản đồ 39 tọa lạc ấp C, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương có diện tích qua đo đạc thực tế là 1.040m^2. Đối với căn nhà cấp 4 trên đất có diện tích 85,4m^2, 02 trụ bê tông, 01 hàng rào lưới B40 kèm theo 05 trụ bê tông mỗi trụ dài 1,2m, lưới B40 dài 25,2m, nguyên đơn đồng ý bồi hoàn giá trị cho bị đơn Võ Văn T2. Buộc bị đơn có trách nhiệm giao trả tài sản là quyền sử dụng diện tích đất 1.040m^2 cùng các tài sản trên đất là ngôi nhà cấp 4, diện tích 85,4m^2, 02 trụ bê tông, 01 hàng rào lưới B40 kèm 05 trụ bê tông, mỗi trụ dài 1,2m, lưới B40 dài 25,2m cho nguyên đơn sở hữu, sử dụng.

3. Nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đề nghị công nhận ngôi nhà cấp 4, mái tôn, diện tích 85,4m^2 thuộc quyền sở hữu của nguyên đơn theo di chúc của bà Huỳnh Thị K lập ngày 19/5/2003 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương.

4. Nguyên đơn Phạm Quốc C không đồng ý yêu cầu phản tố của bị đơn Võ Văn T2 và không đồng ý yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Khương T3, ông Võ Hữu D về việc yêu cầu tuyên bố di chúc

do bà Huỳnh Thị K lập ngày 19/5/2003 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương đối với tài sản là quyền sử dụng đất 1.052m^2 (đo thực tế 1.040m^2) thuộc thửa 207, tờ bản đồ 39 tại xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương và ngôi nhà gắn liền với đất mái tôn, vách đất, diện tích 32m^2 vô hiệu. Nguyên đơn không đồng ý yêu cầu phản tố và yêu cầu độc lập của bị đơn Võ Văn T2, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Huỳnh Thị Khương T3 về việc yêu cầu xác định quyền sử dụng đất 1.040m^2 nói trên là tài sản chung của hộ gia đình bà K và chia tài sản chung của hộ gia đình cho 03 thành viên: Huỳnh Thị K, Võ Văn T2, Huỳnh Thị Khương T3 mỗi người 346,6m^2 và chia thừa kế theo quy định pháp luật đối với di sản do bà K chết để lại là diện tích đất 346,6m^2 trong khối tài sản chung của hộ gia đình bà K, ông T2, bà T3. Nguyên đơn không chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Võ Hữu D về việc yêu cầu chia di sản thừa kế của bà K là quyền sử dụng điện tích đất 1.040m^2 cho 04 người con còn sống gồm Võ Hữu D, Võ Thị G, Võ Thị Cẩm H, Võ Văn T2 mỗi người 260m^2 đất.

5. Nguyên đơn Phạm Quốc C thống nhất sử dụng kết quả định giá tài sản ngày 26/12/2019 của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương để giải quyết vụ án và không yêu cầu định giá lại tài sản tranh chấp.

- *Trong đơn phản tố ngày 19/11/2020, quá trình tố tụng và tại các phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm, bị đơn là ông Võ Văn T2 và người đại diện hợp pháp của bị đơn là ông Lê Văn L trình bày:* bà Huỳnh Thị K, sinh năm 1936, chết ngày 15/8/2011 và ông Võ Văn B, sinh năm 1935, chết ngày 25/8/2018 chung sống từ năm 1956, có đăng ký hôn thú tại chính quyền cũ. Ông B, bà K có 08 người con chung gồm: ông Võ Văn T2, ông Võ Văn L1 (đã chết), bà Võ Thị Tuyết V (đã chết), ông Võ Hồng S1 (không có vợ con, đã chết), ông Võ Tấn H5 (không có vợ con đã chết), bà Võ Thị G, ông Võ Hữu D và bà Võ Thị Cẩm H. Từ năm 1984, ông B bỏ vợ con, rời khỏi nhà đi đâu không rõ, thỉnh thoảng thì ông B có về nhà thăm vợ con rồi lại đi, sau này thì bị đơn mới biết ông B có vợ khác và chết tại khu phố E, phường M, thành phố B, tỉnh Bình Dương vào ngày 25/8/2018. Khoảng tháng 10/1991 thì ông T2 đi bộ đội xuất ngũ về mới đưa tiền cho bà K đến gặp bà Tống Kim T6 hỏi mua khu đất 1.052m^2 tại ấp C, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương để mẹ con cất nhà ở chung vì lúc này bà K mắc nợ nên đã bán hết nhà cửa và đi ở nhờ nhà con gái là bà Võ Thị G. Tháng 10/1991 thì bà K đại diện gia đình ông T2, bà T3 nhận chuyển nhượng lại của bà Tống Kim T6 quyền sử dụng đất có diện tích 1.052m^2, thuộc thửa đất số 207, tờ bản đồ số 39, tọa lạc tại ấp C, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương. Phần đất này đã được Ủy ban nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương cấp cho hộ (ông, bà) Huỳnh Thị K vào ngày 17/4/2003 trên đất có 01 (một) căn nhà cấp 4. Ngày 15/8/2011 mẹ bị đơn ông T2 là bà Huỳnh Thị K chết, bị đơn không biết việc bà K lập di chúc ngày 19/5/2003 để lại toàn bộ phần đất và căn nhà cấp 4 nêu trên cho nguyên đơn ông C. Ngoài các anh, chị em đã trình bày thì ông B, bà K không có con riêng, con chung hay con nuôi gì khác.

Do ông B bỏ nhà đi từ năm 1984 và sống chung với người phụ nữ khác là bà Nguyễn Thị T4, giữa ông B và bà K không lập thủ tục ly hôn nên hôn nhân giữa ông B và bà T4 là không hợp pháp. Ông T2 là người đưa tiền cho bà K mua

thửa đất 207, tờ bản đồ 39 tại ấp C, xã L, huyện D của bà Tống Kim T6 vào năm 1991, sau khi ông B bỏ rơi bà K đi sống với bà T4 hơn 07 năm (ông B bỏ đi 1984) do đó tài sản đang có tranh chấp không phải là tài sản chung của ông B, bà K do đó việc ông B có chung sống với bà T4, có con chung với bà T4 hay không thì không ảnh hưởng gì đến kết quả giải quyết tranh chấp tài sản trong vụ án này.

Về nguồn gốc đất đang tranh chấp có diện tích 1.052m^2 (đo thực tế 1.040m^2) thuộc thửa 207, tờ bản đồ 39 tại xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương: do bị đơn là Võ Văn T2 trực tiếp nhận chuyển nhượng của bà Tống Kim T6 và bị đơn cũng là người đã thanh toán toàn bộ số tiền chuyển nhượng đất cho bà T6 là 100.000 đồng vào năm 1991 nhưng tại thời điểm chuyển nhượng đất, bà K đang sống chung với vợ chồng ông T2, bà T3 nên ông T2, bà T3 để mẹ là bà K đứng ra giao dịch và mua đất với bà T3. Năm 1993, bà K đứng tên kê khai, đăng ký và đã được cấp quyền sử dụng đất đối với phần đất đã nhận chuyển nhượng của bà T6 nêu trên. Sau khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ bà T6 thì gia đình ông T2 đã cất nhà trên thửa đất này cùng sinh sống với bà K trên tại địa chỉ trên. Do bà K già yếu không tạo ra thu nhập nên mọi việc liên quan đến chi tiêu sinh hoạt, chữa bệnh của bà K đều do bị đơn bỏ ra. Hiện nay, do bà K mất đã lâu nên bị đơn muốn xác lập lại quyền sử dụng phần đất nêu trên cho bị đơn nhưng nguyên đơn ngăn cản với lý do nguyên đơn được bà Huỳnh Thị K lập di chúc tặng cho nguyên đơn toàn bộ phần đất và căn nhà cấp 4 nêu trên vào ngày 19/5/2003. Bị đơn Võ Văn T2 không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phạm Quốc C về việc yêu cầu công nhận di chúc do bà K lập ngày 19/5/2003 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện D để lại toàn bộ khu đất 1.052m^2 và ngôi nhà mái tôn, vách đất diện tích 32m^2 gắn liền với đất cho ông C quản lý, sử dụng, sở hữu sau khi bà K chết 05 năm, lý do tại thời điểm tháng 5/2003, bà K đã 67 tuổi và có bệnh, trí óc không còn minh mẫn nhưng không có giấy tờ của cơ quan y tế xác nhận bà K đủ sức khỏe để lập di chúc, tài sản do bà K định đoạt trong di chúc cũng không phải là tài sản thuộc quyền sử dụng, sở hữu của cá nhân bà K mà là tài sản của cả hộ gia đình bà K, ông T2, bà T3 cùng 03 con của ông T2, bà T3 là anh T9, anh T11 và anh T10 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00704/QSDĐ do Ủy ban nhân dân huyện D cấp cho hộ bà Huỳnh Thị K ngày 17/4/2003. Do đó, bị đơn Võ Văn T2 yêu cầu Tòa án tuyên bố di chúc do bà Huỳnh Thị K lập ngày 19/5/2003 vô hiệu. Yêu cầu Tòa án giải quyết xác định quyền sử dụng đất 1.040m^2 thuộc thửa 207, tờ bản đồ 39 tại ấp C, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương là tài sản chung của hộ gia đình bà K và chia tài sản chung của hộ gia đình cho 03 thành viên: Huỳnh Thị K, Võ Văn T2, Huỳnh Thị Khương T3 mỗi người 346,6m^2 và chia thừa kế theo quy định pháp luật đối với di sản do bà K chết để lại là diện tích đất 346,6m^2 trong khối tài sản chung của hộ gia đình bà K, ông T2, bà T3.

Đối với căn nhà cấp 4 có diện tích 85,4m^2, 02 trụ bê tông, 01 hàng rào lưới B40 kèm theo 05 trụ bê tông mỗi trụ dài 1,2m, lưới B40 dài 25,2m là tài sản do bị đơn đã bỏ tiền ra xây dựng từ năm 1991 và tu sửa lại vào năm 2004 để bà K có nơi ở lúc tuổi già nên bị đơn yêu cầu được quyền sở hữu các tài sản nêu trên. Bị đơn Võ Văn T2 và người đại diện hợp pháp của bị đơn là ông Lê Văn L thống

nhất lấy kết quả định giá tài sản ngày 26/12/2019 của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương để làm căn cứ giải quyết vụ án.

- Tại đơn yêu cầu độc lập ngày 29/6/2022, quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Huỳnh Thị Khương T3 và người đại diện hợp pháp của bà T3 là ông Lê Văn L trình bày:

Bà T3 thống nhất trình bày của bị đơn Võ Văn T2 về quan hệ huyết thống của bà Huỳnh Thị K, ông Võ Văn T2, thống nhất lời khai của bị đơn về nguồn gốc tài sản tranh chấp. Bà T3 yêu cầu độc lập như sau: Quyền sử dụng khu đất 1.052m^2 (đo thực tế 1.040m^2) và ngôi nhà cấp 4 diện tích 85,4m^2 xây dựng trên đất và một số tài sản khác trên thửa đất 207, tờ bản đồ 39 tại ấp C, xã L, huyện D do vợ chồng ông T2, bà T3 trực tiếp mua đất của bà T6 năm 1991 và xây dựng nhà trên đất cho bà K ở, do là mẹ nên vợ chồng bà T3, ông T2 để bà K đại diện hộ gia đình đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc bà K tự ý lập di chúc ngày 19/5/2003 để lại toàn bộ nhà đất nói trên cho ông C quản lý, sở hữu sau 05 năm kể từ khi bà K chết nhưng không được sự đồng ý của ông T2, bà T3 nên bà T3 yêu cầu Tòa án tuyên bố di chúc do bà K lập ngày 19/5/2003 tại Ủy ban nhân dân xã L là vô hiệu. Yêu cầu Tòa án giải quyết xác định quyền sử dụng đất 1.040m^2 thuộc thửa 207, tờ bản đồ 39 tại ấp C, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương là tài sản chung của hộ gia đình bà K và chia tài sản chung của hộ gia đình cho 03 thành viên: Huỳnh Thị K, Võ Văn T2, Huỳnh Thị Khương T3 mỗi người 346,6m^2, bà T3 yêu cầu được chia 346,6m^2 đất nêu trên và chia chung với bị đơn Võ Văn T2. Bà T3 đồng ý với kết quả định giá tài sản ngày 26/12/2019 của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương nên không yêu cầu định giá lại.

- Tại đơn yêu cầu độc lập ngày 15/02/2022, quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là ông Võ Hữu D khai:

Ông D thống nhất lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn về quan hệ huyết thống của bà Huỳnh Thị K và nguồn gốc tài sản tranh chấp là 1.040m^2 đất tại xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương là di sản do bà Huỳnh Thị K chết để lại. Ông D xác định giữa ông B và bà K không có tạo dựng được tài sản chung gì, ông B đã bỏ nhà đi từ năm 1984 thì 07 năm sau bà K mới mua lại khu đất tranh chấp. Việc bà K lập di chúc để lại toàn bộ tài sản là quyền sử dụng đất 1.040m^2 nói trên cùng ngôi nhà cấp 4 trên đất cho ông Phạm Quốc C sau khi bà K chết là không đúng quy định pháp luật bởi lẽ tại thời điểm bà K lập di chúc, bà K không biết chữ nhưng dso chúc không có người làm chứng và lúc đó sức khỏe của bà K không đảm bảo để lập di chúc. Do đó, ông D có yêu cầu độc lập đề nghị Tòa án tuyên bố di chúc ngày 19/5/2003 của bà K là vô hiệu đồng thời yêu cầu chia thừa kế tài sản do bà K chết để lại là khu đất 1.040m^2 cho 04 người con còn sống của bà K là ông D, ông T2, bà G và bà H, mỗi người tương đương 260m^2 đất và yêu cầu được hưởng một phần đất có diện tích 260m^2, thuộc một phần của thửa đất số 207, tờ bản đồ số 39, tọa lạc tại ấp C, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương. Ông D cũng thống nhất với Biên bản định giá tài sản ngày 26/12/2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện D nên ông D cũng không yêu cầu Tòa án định giá lại tài sản tranh chấp.

- Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Võ Thị G trình bày:

Bà G thống nhất với nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Hữu D về quan hệ huyết thống của bà K, ông B. Bà G xác định, ông B bỏ bà K đi khỏi xã L, huyện D từ năm 1989 đến khi ông B chết tại nhà bà T4 vào ngày 25/8/2018 tại phường M, thành phố B, tỉnh Bình Dương. Từ năm 1989 đến năm 2018, ông B có đi đi, về về xã L, huyện D, khi bà K chết thì ông B có về dự đám tang xong lại ra đi. Sau khi ông B bỏ nhà đi sống với người phụ nữ khác thì bà K có mua lại khu đất 1.052m^2 thuộc thửa 207, tờ bản đồ 39 tại ấp C, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương của bà Tống Kim T6 vào năm 1991. Bà K có xây dựng một ngôi nhà mái tôn, vách đất để ở với cháu ngoại là ông Phạm Quốc C. Trước khi bà K chết, bà K có lập di chúc để lại phần đất có diện tích 1.052m^2, thuộc thửa đất số 207, tờ bản đồ số 39, tọa lạc tại ấp C (nay là ông Cống Q), xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương cùng ngôi nhà 32m^2 trên đất cho cháu ngoại Phạm Quốc C được quản lý, sử dụng, sở hữu với điều kiện cháu C phải lo ma chay cho bà K, cúng cơm thờ cúng trong 05 năm kể từ khi bà K chết. Hiện nay phần đất qua đo đạc thực tế có diện tích 1.040m^2 và căn nhà cấp 4 có diện tích 85,4m^2, tài sản trên đất có 02 trụ bê tông, 01 hàng rào lưới B40 kèm theo 05 trụ bê tông (mỗi trụ dài 1,2m, lưới B40 dài 25,2m) cho cháu ngoại là ông Phạm Quốc C. Bà G không tranh chấp phần di sản mà mẹ bà G là bà Huỳnh Thị K để lại vì bà K đã định đoạt cho cháu C bằng di chúc ngày 19/5/2003. Vì nguyên đơn ông C đã ở cùng bà K từ lúc còn nhỏ đến khi ông C trưởng thành, nguyên đơn là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng bà K nên bà K đã để lại di chúc ngày 19/5/2003 cho ông C được hưởng toàn bộ di sản của bà K là phù hợp với đạo lý và pháp luật nên bà G yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của ông C. Bà G thống nhất kết quả định giá tài sản ngày 26/12/2019 của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương và không yêu cầu định giá lại.

- Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Võ Thị Cẩm H trình bày:

Bà H thống nhất với nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Hữu D, bà Võ Thị G về quan hệ huyết thống của bà K, ông B. Bà H xác định, ông B bỏ nhà đi sống chung với bà T4 tại thị trấn M, huyện B từ năm 1989, thỉnh thoảng có trở về nhà thăm vợ con rồi lại đi. Khu đất 1.052m^2 (đo thực tế 1.040m^2) do bà K mua lại của bà Tống Kiim T7 từ năm 1991 để cất nhà ở, thời điểm bà K mua đất, ông B đã đi khỏi nhà sống với bà T4 do đó khu đất nói trên và căn nhà 32m^2 do bà K xây dựng trên đất không phải là tài sản chung của ông B, bà K và là tài sản riêng của bà K. Do lúc còn sống, ông C mồ côi sống với bà K nên bà K lập di chúc để lại toàn bộ tài sản nói trên gồm thửa đất 207, tờ bản đồ 39 diện tích 1.052m^2 (đo thực tế 1.040m^2) cùng ngôi nhà cấp 4 diện tích thực tế 85,4m^2 gắn liền với đất tại xã L, huyện D cho ông C quản lý, sử dụng, sở hữu là đúng quy định. Ông C đã thực hiện đúng các nghĩa vụ theo chỉ định trong di chúc của bà K. Do đó, nguyên đơn đã sống cùng bà K từ lúc 10 tuổi đến khi ông C

trưởng thành, nguyên đơn là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng bà K lúc tuổi già nên ngày 19/5/2003 bà K lập di chúc để lại toàn bộ tài sản nói trên cho ông C được hưởng toàn bộ di sản của bà K là phù hợp với đạo lý và pháp luật nên bà H yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Bà H đồng ý với kết quả định giá tài sản ngày 26/12/2019 của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương nên không yêu cầu định giá lại.

- *Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị S trình bày:*

Bà S chung sống với ông Võ Văn L1 và có với nhau 04 người con chung gồm: Võ Thị Thanh L2, Võ Thị Mỹ H2, Võ Thị Thanh T5 và Võ Thanh X, đến năm 1991, ông L1 chết không để lại di chúc. Bà S thống nhất với nguyên đơn, bị đơn về quan hệ huyết thống của bà Huỳnh Thị K, ông Võ Văn B và thống nhất với nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Võ Thị G, Võ Thị Cẩm H, Võ Hữu D về nguồn gốc tài sản tranh chấp gồm 1.040m^2 và ngôi nhà cấp 4 trên đất diện tích xây dựng 85,4m^2 là do bà Kiềm K chết để lại. Việc bà Huỳnh Thị K để lại di sản là toàn bộ phần đất và căn nhà nói trên cho nguyên đơn ông Phạm Quốc C thì bà S đồng ý theo bản di chúc của bà Huỳnh Thị K đã lập ngày 19/5/2003 cho ông C, bà S không có ý kiến hay tranh chấp gì. Bà S yêu cầu Tòa án giải quyết theo đúng quy định của pháp luật để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn. Bà S đồng ý với kết quả định giá tài sản ngày 26/12/2019 của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương nên không yêu cầu định giá lại.

- *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Võ Thị Thanh T5, Võ Thị Mỹ H2, Võ Thị Thanh L2, Võ Thanh X trình bày:* thống nhất ý kiến và yêu cầu của mẹ là bà Trần Thị S, không bổ sung gì thêm.

- *Những người làm chứng đã khai như sau:*

- *Bà Tống Kim T6 khai*: bà T6 xác định, tháng 10/1991, bà T6 có trực tiếp chuyển nhượng cho bà Huỳnh Thị K thửa đất các đương sự tranh chấp hiện nay. Tiền chuyển nhượng là 100.000 đồng do bà K là người trực tiếp thanh toán cho bà T6. Tại thời điểm chuyển nhượng thì trên đất có trồng cây điều và bà T6 chưa được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do đó không có đo đạc đất chuyển nhượng. Bà T6 xác định đất do bà T6 đã bán cho bà K năm 1991 chính là thửa đất 207, tờ bản đồ 39 tại ấp C, xã L, huyện D do ông C và ông T2 đang tranh chấp hiện nay còn diện tích bao nhiêu thì bà T6 không rõ.

- *Ông Nguyễn Văn C1 khai*: năm 2004, ông C1 có bán cho bị đơn Võ Văn T2 một số vật liệu xây dựng gồm cát, đá, xi măng, gạch, sắt thép để xây dựng nhà, theo ông T2 nói mua vật liệu để xây nhà tại ấp C, xã L, huyện D để ông T2 và bà K có nơi ở.

Ông Nguyễn Thanh P khai: năm 2004, bị đơn là ông Võ Văn T2 có thuê ông P đến xây nhà cấp 4 trên thửa đất đang tranh chấp, theo ông T2 thì ông T2 xây, sửa lại nhà cấp 4 để mẹ ông T2 là bà K có chỗ ở lúc tuổi già. Ông P chỉ xây nhà tính công, còn vật liệu do ông T2 tự mua, thời gian thi công khoảng 20 ngày, tiền công xây dựng do ông T2 đã thanh toán cho ông P là 6.000.000 đồng, ông P không xây dựng công trình phụ gì khác.

- *Ông Nguyễn Cộng H3 khai*: ông H3 là người sinh sống tại ấp C, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương từ rất lâu, ông H3 biết vào năm 2004, bị đơn ông T2 là người trực tiếp mua vật liệu xây dựng để xây căn nhà cấp 4 cho bà Huỳnh Thị K có nơi ở và nơi thờ cúng ông, bà. Ngoài ra, ông H3 không cung cấp thông tin gì khác.

- *Bà Lê Thị Minh H4 khai*: bà H4 là người hàng xóm của bà K, ông T2 tại ấp C, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương. Bà H4 xác định từ xưa đến nay bà H4 chỉ thấy vợ chồng bị đơn là ông T2 và bà T5 là người đã trực tiếp chăm sóc cho bà Huỳnh Thị K lúc già yếu, bệnh tật, còn những người con khác thì thỉnh thoảng có về thăm, chăm sóc cho bà K, riêng nguyên đơn Phạm Quốc C là cháu ngoại bà K cũng rất ít khi về thăm bà K khi bà K còn sống. Sự việc nguyên đơn và bị đơn đang tranh chấp di sản thừa kế của bà Huỳnh Thị K thì bà không biết. Ngoài ra, bà H4 không có ý kiến gì và cũng không cung cấp thông tin gì khác.

** Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 209/2024/DS-ST ngày 18 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương, đã quyết định:*

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Quốc C đối với bị đơn ông Võ Văn T2 về việc "yêu cầu công nhận di chúc có hiệu lực".

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Võ Văn T2 đối với nguyên đơn ông Phạm Quốc C về việc "yêu cầu tuyên bố di chúc vô hiệu, tranh chấp tài sản chung và thừa kế về tài sản".

3. Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Khương T3 đối với nguyên đơn ông Phạm Quốc C về việc "tranh chấp tài sản chung".

4. Chấp nhận 01 phần yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Hữu D đối với nguyên đơn ông Phạm Quốc C về việc "yêu cầu tuyên bố di chúc vô hiệu, tranh chấp về thừa kế về tài sản".

- Tuyên bố bản "di chúc" do bà Huỳnh Thị K lập ngày 19/5/2003 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện D vô hiệu.

- Giao cho ông Võ Văn T2 được quyền quản lý, sử dụng 1.040m^2 (trong đó: 740m^2 đất CLN; 300m^2 đất ONT), thuộc thửa đất số 207, tờ bản đồ số 39, phần đất tọa lạc tại ấp C, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương và tài sản trên đất là căn nhà cấp 4 có diện tích 85,4m^2, 02 trụ bê tông, 01 hàng rào lưới B40 kèm theo 05 trụ bê tông mỗi trụ dài 1,2m, lưới B40 dài 25,2m. Phần đất có tứ cận:

+ Phía Đông giáp thửa đất số 87, 238, 363;

+ Phía Tây giáp thửa đất số 95;

+ Phía Nam giáp thửa đất số 96;

+ Phía Bắc giáp đường đất.

Ông Phạm Văn T8 có quyền và nghĩa vụ liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để tiến hành các thủ tục pháp lý để sang tên chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

- Chia di sản thừa kế của bà Huỳnh Thị K (chết) để lại là phần đất có diện tích 346,6m^2 thuộc 01 phần thửa đất 207, tờ bản đồ số 39 cho 06 kỷ phần (mỗi kỷ phần có diện tích 57,7m^2, có giá trị tương ứng số tiền 86.550.000 đồng (tám mươi sáu triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng), cụ thể là: Buộc ông Võ Văn T2 có nghĩa vụ thanh toán lại giá trị kỷ phần cho các 05 đồng thừa kế của bà Huỳnh Thị K là: ông Võ Văn L1 (do người thừa kế quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng là bà Trần Thị S, bà Võ Thị Mỹ H2, bà Võ Thị Thanh T5, bà Võ Thị Thanh L2, ông Võ Thanh X); Bà Võ Thị Tuyết V (do người thừa kế quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng ông Phạm Quốc C); ông Võ Hữu D; bà Võ Thị G; Bà Võ Thị Cẩm H mỗi đồng thừa kế với số tiền là số tiền 86.550.000 đồng (tám mươi sáu triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ của các đương sự phải chịu chi phí tố tụng, án phí sơ thẩm và nghĩa vụ trả lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án về tiền.

Sau khi có bản án sơ thẩm, ngày 28/10/2024, nguyên đơn là ông Phạm Quốc C có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bác toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn và bác toàn bộ yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Ngày 01/11/2024, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng có Quyết định số 07/QĐ-VKS-DS kháng nghị toàn bộ Bản án sơ thẩm số 209/2024/DS-ST ngày 18/10/2024 của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy một phần bản án sơ thẩm về tranh chấp tài sản chung và thừa kế tài sản.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Phạm Quốc C là bà Huỳnh Vũ Hà Tiên đề N Tòa án phúc thẩm tuyên sửa Bản án sơ thẩm số 209/2024/DS-ST ngày 18/10/2024 của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Quốc C; công nhận di chúc của bà Huỳnh Thị K lập ngày 19/5/2003 là hợp pháp; tuyên bố cho nguyên đơn được hưởng quyền sử dụng khu đất diện tích 1.040m^2 thuộc thửa số 207, tờ bản đồ số 39 và được hưởng tất cả tài sản gắn liền trên đất là căn nhà cấp 4 diện tích 85,4m^2, 02 trụ bê tông, 01 hàng rào lưới B40 (kèm theo 05 trụ bê tông mỗi trụ dài 1,2m x lưới B40 dài 25,2m) tại ấp C, xã L, huyện D, tỉnh Bình

Dương và hoàn lại giá trị tài sản trên đất bằng tiền cho bị đơn theo Biên bản định giá tài sản ngày 26/12/2019. Bác toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn, bác toàn bộ yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Khương T3 và ông Võ Hữu D. Trường hợp không chấp nhận sửa án sơ thẩm đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm tuyên hủy toàn bộ bản án sơ thẩm do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

- Bị đơn ông Võ Văn T2 và người đại diện hợp pháp của bị đơn giữ nguyên yêu cầu phản tố như tại cấp sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị G, bà Võ Thị Cẩm H, bà Trần Thị S giữ nguyên yêu cầu như tại cấp sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Khương T3 và người đại diện hợp pháp của bà T3 giữ nguyên yêu cầu phản tố như tại cấp sơ thẩm. Các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác tại cấp phúc thẩm và không thỏa thuận được các vấn đề tranh chấp trong vụ án.

- *Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương:* xét thấy Quyết định kháng nghị số 07/QĐ-VKS-DS, ngày 01/11/2024 của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương là chưa phù hợp nên Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương xin rút toàn bộ kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đơn kháng cáo của nguyên đơn làm trong thời hạn luật định là hợp lệ.

Về nội dung: Quyền sử dụng diện tích đất 1.040m^2 tại ấp C, xã L, huyện D là tài sản hợp pháp của bà Huỳnh Thị K tạo lập trong thời gian ông Võ Văn B bỏ nhà ra đi sống với người phụ nữ khác. Do đó tài sản nêu trên được xác định là tài sản riêng của bà K, không phải tài sản chung của vợ chồng bà K và ông B. Do xác định tài sản trên là tài sản riêng của bà K nên việc xác định bà Nguyễn Thị Thu H1 có phải là con ruột của ông B hay không để đưa vào tham gia tố tụng là không cần thiết, không ảnh hưởng gì đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà H1. Tòa án cấp sơ thẩm xác định thửa đất tranh chấp đo đạc thực tế 1.040m^2 tại ấp C, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương là tài sản chung của hộ gia đình bà K gồm 03 thành viên bà Huỳnh Thị K, ông Võ Văn T2, bà Huỳnh Thị Khương T3 nên mỗi thành viên có quyền và nghĩa vụ ngang nhau đối với diện tích đất nêu trên là chưa phù hợp. Di chúc do bà Huỳnh Thị K lập ngày 19/5/2003 được Ủy ban nhân dân xã L chứng thực là di chúc hợp pháp nên phát sinh hiệu lực pháp luật sau khi bà K chết. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên sửa án sơ thẩm: chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Quốc C. Ông Phạm Quốc C được quyền quản lý, sử dụng toàn bộ khu đất đo đạc thực tế 1.040m^2 thuộc thửa đất số 207, tờ bản đồ 39 tại ấp C, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương. Ông C có trách nhiệm bồi hoàn giá trị ngôi nhà 85,4m^2 trên đất cùng các tài sản khác trên đất cho ông T2 và bà T3.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương rút toàn bộ Quyết định kháng nghị số 07/QĐ-VKS-DS ngày 01/11/2024 của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng. Vì vậy, đình chỉ xét xử phúc thẩm một phần vụ án mà Viện Kiểm sát đã rút kháng nghị là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 284 và khoản 2 Điều 289 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: ông Võ Hữu D, bà Võ Thị Mai H6, Võ Thị Thanh L2 và bà Võ Thanh X có đơn xin xét xử vắng mặt; bà Nguyễn Thị T4 và bà Nguyễn Thị Thu H1 đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

Khu đất có diện tích 1.052m^2, đo đạc thực tế 1.040m^2 (trong đó có 300m^2 đất ở và 740m^2 đất cây lâu năm) thuộc thửa đất số 207, tờ bản đồ 39 tại ấp C, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương có nguồn gốc do bà Huỳnh Thị K nhận chuyển nhượng lại của bà Tống Kim T6 vào tháng 10/1991, tại thời điểm bà K nhận chuyển nhượng đất, ông Võ Văn B đã bỏ nhà ra đi sống với người phụ nữ khác. Năm 1993, bà Huỳnh Thị K được Ủy ban nhân dân huyện B (nay là huyện D) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đến năm 1998, bà K được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đến năm 2003, bà Huỳnh Thị K được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần 3 từ quyền sử dụng đất mang tên cá nhân bà K sang cấp cho hộ gia đình bà Huỳnh Thị K theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00704 do Ủy ban nhân dân huyện D cấp ngày 17/4/2003, diện tích 1.052m^2 gồm 300m^2 đất ONT và 752m^2 đất CLN. Tài sản gắn liền với đất gồm có 01 nhà cấp 4, diện tích xây dựng 85,4m^2 và một số công trình phụ trợ như hàng rào lưới B40 và trụ bê tông. Quá trình tố tụng các đương sự xác định không tranh chấp ngôi nhà cấp 4 và tài sản trên đất. Quá trình tố tụng, cả nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều xác định tài sản tranh chấp là tài sản riêng do bà K tạo lập trong thời kỳ hôn nhân với ông Võ Văn B còn tồn tại nhưng ông B đã bỏ đi sống với người phụ nữ khác trước khi bà K mua đất vào năm 1991.

Nguyên đơn ông Phạm Quốc C khởi kiện yêu cầu tuyên bố di chúc của bà Huỳnh Thị K lập ngày 19/5/2003 tại Ủy ban nhân dân xã L về việc chỉ định người thừa kế theo di chúc là ông Phạm Quốc C tài sản là quyền sử dụng khu đất 1.052m^2 nói trên cùng căn nhà cấp 4 diện tích 32m^2 trên đất sau khi cụ K chết là di chúc có hiệu lực, đồng thời yêu cầu bị đơn ông Võ Văn T2 có nghĩa vụ giao trả quyền sử dụng diện tích đất 1.052m^2 (đo thực tế 1.040m^2) cho nguyên đơn quản lý, sử dụng. Quá trình tố tụng, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần

tài sản trên đất gồm: ngôi nhà cấp 4, diện tích 85,4m^2 hàng rào lưới B40, trụ bê tông. Bị đơn ông Võ Văn T2 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Khương T3 (vợ ông T2) yêu cầu: tuyên bố di chúc lập ngày 19/5/2003 của cụ Huỳnh Thị K tại Ủy ban nhân dân xã L vô hiệu, lý do tài sản là quyền sử dụng đất 1.052m^2 bà K định đoạt trong di chúc nói trên là tài sản chung của hộ gia đình bà K gồm có 03 thành viên trên 15 tuổi tại thời điểm được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (174/2003) là bà Huỳnh Thị K, ông Võ Văn T2 và bà Huỳnh Thị Khương T3. Ông T2, bà T3 yêu cầu chia tài sản chung là quyền sử dụng đất nói trên cho 03 thành viên trong hộ gia đình và ông T2, bà T3 được hưởng 1.040m^2 : 3 = 346,66m^2 x 2 = 693,32m^2. Diện tích còn lại 346,66m^2 là di sản của bà K được chia cho những người thừa kế của bà K. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Hữu D yêu cầu tuyên bố di chúc ngày 19/5/2003 của bà K vô hiệu. Yêu cầu chia thừa kế của bà K là quyền sử dụng đất 1.040m^2 chia bằng hiện vật cho ông D ¼ bằng 260m^2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà Võ Thị G, bà Võ Thị Cẩm H yêu cầu giải quyết theo quy định pháp luật.

[4] Nhận thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã có những vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng như sau:

[4.1] Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng bỏ sót người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong quá trình giải quyết vụ án nêu trên. Cụ thể, Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng nhận định tài sản tranh chấp là khu đất có diện tích 1.040m^2 (diện tích thực tế) thuộc thửa 207, tờ bản đồ 39 tại ấp C, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00704 do Ủy ban nhân dân huyện D cấp ngày 17/4/2003 cho hộ bà Huỳnh Thị K. Theo Giấy xác nhận số 273/GXHK-CAH ngày 14/5/2021 của Công an huyện D xác nhận từ ngày 23/6/1995 đến nay hộ gia đình bà Huỳnh Thị K có 06 thành viên gồm: bà Huỳnh Thị K, sinh năm 1936, ông Võ Văn T2, sinh năm 1966, bà Huỳnh Thị Khương T3, sinh năm 1969, ông Võ Nguyên T9, sinh năm 1990, ông Võ Nguyên T10, sinh năm 1996 và ông Võ Nguyên T11, sinh năm 2001. Tại thời điểm thụ lý vụ án và xét xử sơ thẩm ông T9, ông T10, ông T11 đều đã trên 18 tuổi nhưng cấp sơ thẩm không đưa ông T9, ông T10, ông T11 vào tham gia tố tụng để xác định yêu cầu của họ về quyền lợi, nghĩa vụ của ông T9, ông T10, ông T11 đối với quyền sử dụng đất 1.040m^2, ngôi nhà cấp 4 trên đất 85,4m^2 và tài sản khác gắn liền với thửa đất tranh chấp như thế nào là thuộc trường hợp bỏ sót người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là thiếu sót, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, làm mất quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông T9, ông T10 và ông T11.

[4.2] Vi phạm về thủ tục tống đạt văn bản tố tụng cho đương sự: Tại Thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư của Công an phường M, thành phố B, tỉnh Bình Dương thì người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị T4, sinh năm 1941, con ông Mai Văn Đ1 và bà Hà Thị C2 có nơi thường trú tại khu phố E, phường M, thành phố B, tỉnh Bình Dương nhưng nơi ở hiện tại của bà T4 tại nhà số F đường số A, khu phố B, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình tố tụng, Tòa cấp sơ thẩm không thực hiện việc triệu tập bà T4 hoặc ủy thác cho Tòa án nhân dân

thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành lấy lời khai của bà T4 để xác định mối quan hệ giữa bà T4 và ông Võ Văn B, mối quan hệ giữa bà Nguyễn Thị Thu H1 và bà T4 và ông B ra sao nhưng Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng lại niêm yết các thông báo tố tụng cho bà T4 tại địa chỉ khu phố E, phường M, thành phố B, tỉnh Bình Dương là thực hiện việc tống đạt chưa đúng theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng tại mục [3] của Bản án sơ thẩm số 209/2024/DS-ST ngày 18/10/2024 lại nhận định bà T4 đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ tố tụng đối với vụ án (đoạn 10 trang 12) là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị Tuyết .

[4.3] Ngoài ra, tại Bản án phúc thẩm số 384/2023/DS-PT, ngày 14/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đã nhận định: *"Tòa án sơ thẩm nhận định ông B bỏ nhà đi từ năm 1989 nên đất tranh chấp là tài sản riêng của bà K và công nhận hiệu lực di chúc là chưa đủ căn cứ. Do đó, cần điều tra làm rõ các vấn đề nêu trên và đưa người thừa kế của ông B tham gia tố tụng (nếu có). Trường hợp không thu thập được chứng cứ về người thừa kế khác của ông B, thì cần phải thông báo vụ án này trên phương tiện thông tin đại chúng về ông Võ Văn B*". Quá trình thụ lý giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm, Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng chưa thực hiện nội dung sai sót đã được Tòa án cấp phúc thẩm trước đây chỉ ra, cụ thể chưa điều tra thu thập chứng cứ xác định về nhân thân và mối quan hệ huyết thống của ông Võ Văn B để xác định đúng người kế thừa quyền và nghĩa vụ của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là ông Võ Văn B là cần thiết.

[5] Từ những phân tích trên, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục được nên có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, hủy bản án dân sự sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng thụ lý, giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm. Việc hủy án sơ thẩm do cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng nên Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét về nội dung đánh giá chứng cứ của cấp sơ thẩm.

[6] Phát biểu của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là có căn cứ được chấp nhận một phần; chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn Phạm Quốc C.

[7] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương về quan điểm giải quyết vụ án là chưa phù hợp.

[8] Về án phí dân sự phúc thẩm: do hủy án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 148, khoản 3 Điều 284, khoản 2 Điều 289, khoản 3 Điều 308 và Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 07/QĐ-VKS-DS ngày 01/11/2024 của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

2. Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Phạm Quốc C.

Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 209/2024/DS-ST ngày 18/10/2024 của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương thụ lý, giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: hoàn trả cho ông Phạm Quốc C số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0007017 ngày 28/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- Chi cục THADS huyện Dầu Tiếng;
- TAND huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, HSVA, Tòa Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Văn Thanh